

BỘ QUỐC PHÒNG-BỘ
LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI
Số: 08/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 1986

THÔNG TƯ

Hướng dẫn bổ sung một số điểm và thực hiện Nghị định số 236/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng

Ngày 30-9-1985 Bộ Thương binh và Xã hội đã có Thông tư 48/TBXH và ngày 10-12-1985, Bộ Quốc phòng đã có Thông tư số: 2123/QP hướng dẫn thực hiện Nghị định số 236/HĐBT ngày 18-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng về bổ, sửa đổi một số chế độ, chính sách về Thương binh và Xã hội.

Qua thời gian thực hiện và ý kiến phản ánh của các địa phương, đơn vị, Liên Bộ QP - TBXH giải thích và hướng dẫn bổ sung một số điểm cụ thể như sau:

1. Cách tính quy đổi thời gian công tác theo hệ số

(áp dụng đối với người nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, tính trợ cấp quân nhân phục viên từ ngày 1-9-1985 trở về sau và cho những người đã về nghỉ trước ngày 1-9-1985 còn đang hưởng trợ cấp).

a. Những quân nhân đã phục vụ tại ngũ trong thời gian từ ngày 5-8-1964 đến ngày 28-1-1975 (thời gian chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ ở các tỉnh miền Bắc) thì thời gian này được thống nhất quy đổi một năm bằng 1 năm 6 tháng).

Những cán bộ, công nhân, nhân viên chức quốc phòng có thời gian tham gia phục vụ các đơn vị chiến đấu, hoặc các đơn vị trực tiếp phục vụ chiến đấu trong chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ ở các tỉnh miền Bắc từ 5-8-1964 đến 28-1-1973 thì thời gian này được tính quy đổi 1 năm bằng 1 năm 6 tháng.

b. Do tính chất đặc điểm quân đội trong nhiệm vụ quốc tế, thời gian quân nhân làm chuyên gia đại sứ quán ở nước bạn (không thực hiện đối với quân nhân đi học, đi công tác hoặc đi theo chế độ ngoại giao) từ sau ngày 30-4-1975, cũng được tính quy đổi theo hệ số 1 năm 6 tháng.

c. Đối với công nhân viên quốc phòng trong những thời gian làm thường trực công cơ quan, vườn hoa cây cảnh, làm cô nuôi dạy trẻ thì thời gian công tác trước ngày 30-4-1975 được quy đổi bằng 1 năm 2 tháng, còn thời gian sau 30-4-1975 tính theo thời gian thực tế (không quy đổi theo hệ số).

Ngoài việc tính quy đổi thời gian theo các tiết a, b, c, trên đây, các thời gian công tác khác của quân nhân, công nhân viên quốc phòng vẫn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 2123/QP ngày 10-12-1985 của Bộ Quốc phòng.

2. Quân nhân, chuyển ngành cũng được áp dụng điều kiện về tuổi đời (nam 55 tuổi, nữ 50 tuổi) để nghỉ hưu như quân tại ngũ; thời gian phục vụ tại ngũ được quy đổi theo hệ số như quy định tại Thông tư số 212 ngày 10-12-1985 của Bộ Quốc phòng và bổ sung tại điểm 1 nói trên của Thông tư Liên Bộ này.

3. Đối với những quân nhân đã có đủ điều kiện về thời gian công tác sau khi đã quy đổi (nam đủ 30 năm, nữ đủ 25 năm) mà chưa đủ điều kiện về tuổi đời nhưng vì bị thương, bị tai nạn, vì ốm đau mà sức khỏe giảm sút không đủ điều kiện tiếp tục phục vụ trong quân đội, thì cũng được nghỉ hưu, không cần phải ra hội đồng giám định y khoa giám định sức khỏe.

4. Đối với những quân nhân chưa có đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định 236/HĐBT ngày 18-9-1985 của HĐBT, mà có đủ điều kiện theo Điều 2 Nghị định 189/HĐBT ngày 29-11-1982 của Hội đồng Bộ trưởng thi hành Luật về sĩ quan hoặc điểm 1 Thông tư số 20/TT-LB ngày 2-5-1983 của Liên Bộ Thương binh và Xã hội và Quốc phòng thì cũng được hưởng chế độ nghỉ hưu. Cách tính lương hưu như sau:

a. Tiền lương làm cơ sở để tính lương hưu bao gồm: Lương chính và phụ cấp thâm niên.

b. Thời gian công tác tính theo thời gian công tác thực tế (không quy đổi hệ số).

c. Tỷ lệ % để hưởng lương hưu được tính như sau: Có thời gian công tác đủ 5 năm được hưởng bằng 45% lương chính và phụ cấp thâm niên từ năm thứ 5 đến năm thứ 10, cứ mỗi năm công tác thêm 1%; từ năm thứ 11 trở đi, mỗi năm công tác thêm 2; tối đa không quá 75% lương chính và phụ cấp thâm niên.